

Số: /QĐ-BDD

Gia Lai, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh năm 2026 cho các Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội và các xã, phường

**BAN ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai,

Theo đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại Tờ trình số 1106/TTr-NHCS ngày 21/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh năm 2026 cho các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội và các xã, phường theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội và các xã, phường được điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tại Điều 1 Quyết định này triển khai thực hiện cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Giám đốc các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội, Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- Các thành viên BDD HĐQT;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, V4.

**TM. BDD HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lâm Hải Giang**

PHỤ LỤC

Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh năm 2026 cho các Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội và các xã, phường

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /7/2026 của BDD HĐQT NHCSXH tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch dư nợ năm 2026 đã thông báo	Điều chỉnh tăng (+)/ giảm (-) đợt này	Kế hoạch dư nợ năm 2026
I	Phòng giao dịch NHCSXH Tuy Phước	0,0	+95,0	95,0
1	Xã Tuy Phước	0,0	+70,0	70,0
	Cho vay người sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg	0,0	+70,0	70,0
2	Xã Tuy Phước Đông	0,0	+25,0	25,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+25,0	25,0
II	Phòng giao dịch NHCSXH Vân Canh	498,4	+455,0	953,4
1	Xã Vân Canh	451,4	+303,9	755,3
	Cho vay hộ nghèo	451,4	+228,9	680,3
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+75,0	75,0
2	Xã Canh Vinh	47,0	+151,1	198,1
	Cho vay hộ nghèo	47,0	+151,1	198,1
III	Phòng giao dịch NHCSXH An Nhơn	0,0	+50,0	50,0
1	Phường An Nhơn Đông	0,0	+50,0	50,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+50,0	50,0
IV	Phòng giao dịch NHCSXH Tây Sơn	0,0	+75,0	75,0
1	Xã Tây Sơn	0,0	+50,0	50,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+50,0	50,0
2	Xã Bình Phú	0,0	+25,0	25,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+25,0	25,0
V	Phòng giao dịch NHCSXH Vĩnh Thạnh	0,0	+25,0	25,0
1	Xã Vĩnh Thạnh	0,0	+25,0	25,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+25,0	25,0
VI	Phòng giao dịch NHCSXH Phù Cát	0,0	+175,0	175,0

STT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch dự nợ năm 2026 đã thông báo	Điều chỉnh tăng (+)/ giảm (-) đợt này	Kế hoạch dự nợ năm 2026
1	Xã Xuân An	0,0	+25,0	25,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+25,0	25,0
2	Xã Đền Gi	0,0	+25,0	25,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+25,0	25,0
3	Xã Cát Tiến	0,0	+25,0	25,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+25,0	25,0
4	Xã Hòa Hội	0,0	+25,0	25,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+25,0	25,0
5	Xã Hội Sơn	0,0	+25,0	25,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+25,0	25,0
6	Xã Ngô Mây	0,0	+25,0	25,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+25,0	25,0
7	Xã Phù Cát	0,0	+25,0	25,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+25,0	25,0
VII	Phòng giao dịch NHCSXH Phù Mỹ	0,0	+55,5	55,5
1	Xã Phù Mỹ	0,0	+18,5	18,5
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+18,5	18,5
2	Xã Phù Mỹ Bắc	0,0	+18,5	18,5
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+18,5	18,5
3	Xã Phù Mỹ Đông	0,0	+18,5	18,5
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+18,5	18,5
VIII	Phòng giao dịch NHCSXH Hoài Ân	0,0	+25,0	25,0
1	Xã Kim Sơn	0,0	+25,0	25,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+25,0	25,0
IX	Hội sở tỉnh Gia Lai	12.949,2	+33.642,5	46.591,7
1	Cho vay NOXH (trực tiếp)	12.949,2	+33.642,5	46.591,7
X	Phòng giao dịch NHCSXH Pleiku	0,0	+66,0	66,0
1	Phường An Phú	0,0	+22,0	22,0

STT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch dư nợ năm 2026 đã thông báo	Điều chỉnh tăng (+)/ giảm (-) đợt này	Kế hoạch dư nợ năm 2026
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+22,0	22,0
2	Phường Diên Hồng	0,0	+44,0	44,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+44,0	44,0
XI	Phòng giao dịch NHCSXH Kbang	0,0	+13,0	13,0
1	Xã Tơ Tung	0,0	+13,0	13,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+13,0	13,0
XII	Phòng giao dịch NHCSXH Ia Grai	0,0	+18,0	18,0
1	Xã Ia O	0,0	+18,0	18,0
	Cho vay học sinh, sinh viên STEM theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND	0,0	+18,0	18,0
XIII	Phòng giao dịch NHCSXH Ayun Pa	1.932,0	-23,0	1.909,0
1	Phường Ayun Pa	1.932,0	-23,0	1.909,0
	Cho vay Nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP	1.932,0	-23,0	1.909,0
XIV	Phòng giao dịch NHCSXH Đức Cơ	0,0	+200,0	200,0
1	Xã Ia Dok	0,0	+200,0	200,0
	Cho vay người sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg	0,0	+200,0	200,0
XV	Phòng giao dịch NHCSXH Mang Yang	591,0	+141,0	732,0
1	Xã Lơ Pang	150,0	+150,0	300,0
	Cho vay người sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg	150,0	+150,0	300,0
2	Xã Mang Yang	441,0	-9,0	432,0
	Cho vay Nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP	441,0	-9,0	432,0